TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST.
Ngày: 09/5/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện
Ông Trương Đức Lâm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 119/TLST- DS ngày 13/10/2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 22/3/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

T đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (Có mặt)
Địa chỉ: thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Gia ng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971(Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ông T và bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa T đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Do có mối quan hệ là người cùng làng với nhau nên đã vào ngày 17/9/2019 ông đã cho ông Nguyễn Văn T vay ông số tiền 200.000.000đồng. Khi vay, hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn trả nợ là 10 ngày, lãi xuất do hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên, hết thời hạn vay tiền ông T đã không trả cho ông được tiền nợ gốc và nợ lãi mặc dù ông đã đòi nợ ông T nhiều lần. Ông T tìm đủ mọi lý do để khất lần, trốn tránh không trả nợ cho ông. Việc vay tiền của ông

chỉ có ông T ký. Tuy nhiên, ông T vay tiền về để làm ăn nên ông yêu cầu cả bà H vợ ông T phải có trách nhiệm cùng ông T trả cho ông 200.000.000đồng và tiền lãi tính từ khi vay đến ngày 17/9/2021 theo mức lãi suất 1.2%/tháng là 57.600.000 đồng. Đồng thời, ông yêu cầu ông T, bà H phải tiếp tục trả lãi cho vợ chồng ông từ ngày 18/9/2021 cho đến khi trả xong nợ. Tại phiên tòa ông xin rút yêu cầu buộc bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông mà ông chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông T phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được tòa án thông báo thụ lý và tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T từ chối khai báo với tòa án và không gửi văn bản, ý kiến của mình. Tòa án đã đến gia đình ông T làm việc có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Bích – Công an viên xã Hoàng Lương thì ông T có khai ông không đồng ý làm việc với Tòa án, ông xác định việc ông T khởi kiện là việc của ông T, ông không liên quan đến Tòa án. Tại buổi làm việc Tòa án thông báo tài liệu khởi kiện của ông T có giấy vay tiền thì có phải là chữ viết hay chữ ký của ông không và ông có đề nghị gì không?, nhưng ông T xác định đấy là việc của ông T với Tòa án không liên quan đến ông và ông không làm việc. Ông T cho rằng ông chỉ làm việc khi có mặt Công an và ông T phải đến nhà ông T thì ông mới đồng ý làm việc. Ông có quan điểm ông không lên Tòa án làm việc Tòa án có gửi giấy mời hay giấy triệu tập thì ông cũng không lên Tòa án làm việc vì ông xác nhận ông có nhận được các giấy triệu tập của Tòa án rồi. Tòa án đã ghi lại toàn bộ lời trình bày của ông T nhưng ông T không đồng ý ký vào biên bản làm việc của Tòa án.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị T (Vợ ông T) trình bày: Bà đã được đọc biên bản ghi lời khai của chồng bà là ông Nguyễn Văn T. Bà xác định lời trình bày của ông T là đúng và bà đồng ý với ý kiến của ông T buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi từ khi vay đến ngày 17/9/2021 theo mức lãi suất 1.2%/tháng là 57.600.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông T phải tiếp tục trả lãi cho vợ chồng bà từ ngày 18/9/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Hiện nay do công việc bận nên bà đề nghị tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa cho phép bà được vắng mặt trong các phiên họp, phiên xét xử tại tòa án.

Bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được tòa án tống đạt văn bản hợp lệ và triệu tập nhiều lần nhưng không gửi văn bản, ý kiến của mình lên Tòa án cũng không đến Tòa án làm việc. Tòa án có đến nhà làm việc với bà H có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Bích – Công an viên xã Hoàng Lương nhưng bà H không chấp hành làm việc và không ký nhận các văn bản Tòa án giao trực tiếp.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: T đơn là ông T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là ông T không chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26; 35, 39,147; 227; 228; 244; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc và lãi là: 253.222.000đ (Trong đó có 200.000.000đ tiền gốc và 53.222.000đ tiền lãi);

Đình chỉ yêu cầu của ông T buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cùng ông T;

Về án phí: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T và bà T không phải chịu án phí DSST.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu do các bên xuất trình HĐXX xác định: Vụ án tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh Lâm, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là có căn cứ.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn là ông T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tống đạt và triệu tập cho ông T và bà H theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T và bà H vẫn vắng mặt; Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì thế, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; 228 – Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho vợ chồng ông T số tiền đã vay là 200 triệu đồng cùng lãi suất là tiền có căn cứ. Theo chứng cứ ông T xuất trình là 01 giấy vay tiền dề 17/9/2019 thể hiện ông T có vay của ông T số tiền 200 triệu đồng với thời hạn trả nợ là 10 ngày, lãi suất theo thỏa thuận, tại phiên tòa ông T cam kết toàn bộ chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là chữ của ông T. HĐXX xác định ngày 17 tháng 9 năm 2019 ông T và ông T có xác lập một hợp đồng vay tiền là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn. Do ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên ông T có quyền yêu cầu ông T phải trả tiền gốc và lãi cho ông là đúng theo quy định của pháp luật. Trước đó Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã tiến hành thụ lý yêu cầu của ông T đối với ông T vào ngày 09/8/2021 nhưng ngày 30/9/2021, ông T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì ông T có nói với ông T rút đơn về thì ông T sẽ trả tiền cho ông T. Tại phiên tòa ông T có khai khi ông rút đơn về thì ông T không trả tiền cho ông nên ngày

07/10/2021 ông lại tiếp tục làm đơn khởi kiện ông T. Từ những chứng cứ và lời trình bày của ông T và bà T có đủ cơ sở buộc ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T số tiền gốc 200 triệu đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông T HĐXX xác định trong hợp đồng có thể hiện nội dung vay có lãi nhưng không ghi cụ thể là bao nhiêu. Ông T khai thỏa thuận là 1,2%/tháng nhưng ông T không xuất trình được chứng cứ về mức tiền lãi này nên HĐXX không có căn cứ xem xét. Bên cạnh đó phía bị đơn là ông T không thực hiện nghĩa vụ chứng minh và không khai báo cho Tòa án biết. Vì vậy, căn cứ theo quy định của pháp luật cần xác định giữa ông T và ông T có sự tranh chấp nhau về tiền lãi của số tiền vay 200 triệu đồng. Vì thế, căn cứ vào quy định tại Điều 468 để xác định mức lãi cho khoản vay của ông T và ông T là 50% mức lãi suất giới hạn của lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm tức là 10%/năm là có căn cứ. Theo yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị tính lãi đến ngày 18/9/2021 nhưng HĐXX xác định ông T và bà T vẫn yêu cầu tính lãi với ông T từ ngày 18/9/2021 đến khi trả nợ xong. Vì thế, HĐXX xác định cần tính lãi số tiền 200 triệu mà ông T vay của ông T từ ngày 17/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09/5/2022 là có căn cứ.

Thời gian vay được tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là:

200.000.000đ x 10%/năm x 31 tháng 22 ngày = 53.222.000đ.

Số tiền gốc và lãi ông T phải trả cho ông T và bà T là:

253.222.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng);

Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu không buộc bà H (Vợ ông T), phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông và bà T. HĐXX xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận là có căn cứ.

[3] Về án phí: Ông T và bà T không phải chịu án phí DSST, ông T phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26; 35, 39, 147; 227; 228; 244; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc và lãi là: 253.222.000đ (Trong đó có 200.000.000đ tiền gốc và 53.222.000đ tiền lãi);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của ông T buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cùng ông T cho ông.

Về án phí: ông T phải chịu 12.661.000đ án phí dân sự sơ thẩm; ông T và bà T không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại hai biên lai thu số là: 0007590 ngày 13 tháng 10 năm 2021 là 5.000.000đ và tại biên lai thu số: 0007610 ngày 18 tháng 10 năm 2021

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hương Lan